TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HS-ST
Ngày: 05 - 5 - 2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Xuân; ông Võ Văn Nhu.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Quốc Trưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2026/TLST - HS ngày 20 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 25/5/1976; Nơi sinh: tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: 33/18 P, phường T, tỉnh Khánh Hòa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Văn N (đã chết); Họ và tên mẹ: Huỳnh Thị Ái L, sinh năm: 1946; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/11/1992, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 67/HSST). Ngày 15/8/1996, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 67/HSST ngày 19/11/1992 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa là 05 năm tù (Bản án số 180/HSST). Ngày 22/5/2002, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 83/HSST). Ngày 02/8/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 78/HSPT). Ngày 01/6/2026, bị Công an xã Diên Lâm, tỉnh Khánh Hòa xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 01); Tiền án: Ngày 14/4/2003, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 81/HSST), chấp hành xong hình phạt vào ngày 03/6/2005, chưa chấp hành phần án phí. Ngày 24/11/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 78/HSPT ngày 02/8/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa là 09 năm tù (Bản án số 203a/HSST), chấp hành xong hình phạt vào ngày 15/12/2013, chưa chấp hành phần án phí. Ngày 16/12/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 232/HSPT), chấp hành xong hình phạt

vào ngày 21/5/2018, chưa chấp hành phần án phí. Ngày 16/12/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 215/HSST), chấp hành xong hình phạt ngày 05/5/2024. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2026 đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn H, xã DL, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn H, xã DL, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Phan Đình N, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã DL, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 00 phút ngày 06/01/2026, sau khi sử dụng trái phép chất ma túy, Nguyễn Văn L mang theo 01 (một) đoạn kim loại dài 06cm, một đầu dẹp - nhọn, một đầu bằng có hình lục giác; 01 (một) đoạn kim loại dài 08cm, một đầu nhỏ có hình đầu tua vít 04 cạnh, một đầu bằng có hình lục giác; 01 (một) cờ lê cỡ 08, một đầu lỗ tròn, đi bộ đến Quốc lộ 1 rồi bắt xe ôm đến khu vực gần Trại giam A2, Cục C10, Bộ Công an để tìm tài sản trộm cắp, bán lấy tiền sử dụng cho cá nhân.

Khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày, khi đi đến cách Trại giam A2 khoảng 02km, L phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 79D1 - 350.77 của bà Nguyễn Thị M dựng tại lề đường liên thôn thuộc thôn Th, xã DL, tỉnh Khánh Hòa không có người trông coi. L nói tài xế xe ôm dừng lại và trả 50.000 đồng tiền xe. Sau khi tài xế xe ôm đi, L đi đến vị trí xe mô tô 79D1 - 350.77, dùng những dụng cụ mang theo trong người phá khóa, nổ máy rồi điều khiển xe đi về hướng Tỉnh lộ 8. Trong lúc L đang mở khóa xe, bà Nguyễn Thị M phát hiện nên báo cho anh Phan Đình N (cháu bà M) biết, anh N điều khiển xe mô tô đến và đi theo phía sau L, đồng thời báo cho Công an xã Diên Lâm biết, chặn bắt giữ L cùng tang vật đưa về trụ sở làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 07/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân xã Diên Lâm kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 79D1 - 350.77 là 8.400.000 đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và có kết quả xét nghiệm dương tính với chất ma túy.

Cáo trạng số 04/CT-VKSKV3 ngày 19/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Khánh Hòa vẫn giữ nguyên nội dung truy tố tại Bản cáo trạng đối với bị cáo L và đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo L từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2026; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn N không yêu cầu bồi thường dân sự nên đề nghị không xem xét; Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một)

đoạn kim loại dài 06cm, một đầu dẹp - nhọn, một đầu bằng có hình lục giác; 01 (một) đoạn kim loại dài 08cm, một đầu nhỏ có hình đầu tua vít 04 cạnh, một đầu bằng có hình lục giác; 01 (một) cờ lê cỡ 08, một đầu lỗ tròn; Về án phí: Bị cáo Lượng phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo L tại phiên tòa, đồng ý với nội dung Cáo trạng 04/CT-VKSKV3 ngày 19/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Khánh Hòa đã truy tố đối với bị cáo, việc truy tố tội danh và hình phạt tại Cáo trạng trên là đúng, không có oan sai; bị cáo thừa nhận hành vi mà mình đã thực hiện là sai, chấp nhận việc xử lý của cơ quan pháp luật theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tuy nhiên đã có lời khai ở hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không ảnh hưởng đến việc xét xử, giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Khánh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan N hành tố tụng, người N hành tố tụng. Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3]. Về căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn L tại phiên tòa; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét có đủ cơ sở khẳng định: Vào ngày 06/01/2026, L đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô, biển kiểm soát 79D1 - 350.77 của bà Nguyễn Thị M, có giá trị 8.400.000 đồng. Hành vi trên của L đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", bản thân L có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", đã tái phạm, chưa được xóa án tích, nay tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung truy tố tại Cáo trạng số 04/CT-VKSKV3 ngày 19/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Khánh Hòa đối với bị cáo L về tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi mà bị cáo L đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì muốn có tiền để sử dụng cho bản thân, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc trông coi, quản lý tài sản, có hành vi lấy trộm 01 xe mô tô, biển kiểm soát 79D1 - 350.77 của bà Nguyễn Thị M.

Xét, bị cáo L nhiều lần bị Tòa án nhân dân các cấp xét xử về hành vi "Trộm cắp tài sản", nay bị cáo lại vi phạm. Cho thấy, bị cáo L không thấy được sai trái để tự sửa đổi, tu dưỡng bản thân, lo làm ăn kiếm thu nhập hợp pháp để nuôi sống bản thân, mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội sau khi chấp hành xong hình phạt về lại địa phương, điều này thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc, mới đủ sức răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Với tính chất hành vi, mức độ hậu quả mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Khánh Hòa tại phiên tòa, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo L.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L, do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng theo quy định pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo L có thái độ thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu hợp pháp. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên cần xem xét, áp dụng cho bị cáo L khi lượng hình theo quy định pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo lời khai tại hồ sơ vụ án, bà M và ông N trình bày đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường dân sự gì đối với bị cáo L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Khánh Hòa thu giữ 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 79D1 - 350.77 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp (ông Nguyễn Tấn N và bà Nguyễn Thị M) nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về 01 (một) đoạn kim loại dài 06cm, một đầu dẹp - nhọn, một đầu bằng có hình lục giác; 01 (một) đoạn kim loại dài 08cm, một đầu nhỏ có hình đầu tua vít 04 cạnh, một đầu bằng có hình lục giác; 01 (một) cờ lê cỡ 08, một đầu lỗ tròn, là tài sản của bị cáo L, xét các vật chứng trên, bị cáo L dùng để thực hiện hành vi phạm tội, giá trị không có nên áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định pháp luật .

[7]. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

- Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 292, Điều 293, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2026.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn N không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đoạn kim loại dài 06cm, một đầu dẹp - nhọn, một đầu bằng có hình lục giác; 01 (một) đoạn kim loại dài 08cm, một đầu nhỏ có hình đầu tua vít 04 cạnh, một đầu bằng có hình lục giác; 01 (một) cờ lê cỡ 08, một đầu lỗ tròn (theo mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an tỉnh Khánh Hòa với Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3 - Khánh Hòa ngày 09/4/2026).

5. Về án phí: Bị cáo L nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 3 - Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ